

Số: ~~2609~~ 2022/CBTT-THD

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: Công ty Cổ phần Thaiholdings

Mã chứng khoán: THD

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3968 9898

Fax: (84-24) 3525 9898

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Mai Phương – Người được uỷ quyền Công ty thông tin.

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thaiholdings, Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3968 9898

Fax: (84-24) 3525 9898

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Thaiholdings công bố:

- (1) Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét;
- (2) Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2022 đã được soát xét;
- (3) Công văn giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét.

- Thông tin này đã được đăng tải trên trang website của công ty tại đường dẫn <http://www.thaiholdings.com.vn> – Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính vào ngày 26/08/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: HCQT, BPC.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Đỗ Mai Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thuyết	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Giang	Thành viên	
Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Kiên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Ngọc Định	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kế toán trưởng	
Ông Trịnh Văn Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2022)
Ông Trịnh Văn Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)
Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Phương	Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2022)

Ban kiểm soát

Ông Bùi Lê Quang	Trưởng ban	
Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thu Vân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	05 tháng 07 năm 2021

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện trình bày tại Thuyết minh số 38, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

SỐ: 07/BCSX-UHYHP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thaiholdings**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thaiholdings được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác và Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này vào ngày 09/08/2021.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó vào ngày 08/03/2022.



Nguyễn Hồng Hiên
Giám đốc Chi nhánh

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1117-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
UHY – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Ngày 26 tháng 08 năm 2022

Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
		30/06/2022	01/01/2022 (Đã điều chỉnh)
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.679.666.049.051	2.386.441.180.858
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền		28.390.726.050	271.689.886.895
111 1. Tiền	4	21.390.726.050	271.689.886.895
112 2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.102.326.054	6.102.593.654
121 1. Chứng khoán kinh doanh		2.326.054	2.618.534
122 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(24.880)
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	6.100.000.000	6.100.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.477.254.393.334	1.939.175.448.152
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.823.105.826.813	1.873.799.769.653
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	66.776.504.210	62.571.411.538
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	174.500.000.000	-
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	9	417.239.073.359	8.032.026.009
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.367.011.048)	(5.227.759.048)
140 IV. Hàng tồn kho	11	104.610.998.674	95.542.820.341
141 1. Hàng tồn kho		104.610.998.674	95.542.820.341
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		63.307.604.939	73.930.431.816
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	21.179.945.114	399.678.771
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		41.777.591.851	73.204.829.917
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	350.067.974	325.923.128
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.775.732.795.300	8.154.784.028.970
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		702.643.521.107	667.197.094.794
215 1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	120.985	11.647.094.794
216 2. Phải thu dài hạn khác	9	702.643.400.122	655.550.000.000
220 II. Tài sản cố định		36.454.641.139	1.015.869.915.044
221 1. Tài sản cố định hữu hình	13	28.220.076.292	1.007.632.836.197
222 - Nguyên giá		371.779.192.736	1.467.130.554.690
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(343.559.116.444)	(459.497.718.493)
227 2. Tài sản cố định vô hình	14	8.234.564.847	8.237.078.847
228 - Nguyên giá		9.401.460.000	9.401.460.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.166.895.153)	(1.164.381.153)
230 III. Bất động sản đầu tư	15	105.495.281.990	105.495.281.990
231 - Nguyên giá		105.495.281.990	105.495.281.990
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	298.834.724.746	279.095.419.310
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		298.834.724.746	279.095.419.310
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	1.461.489.608.543	839.821.350.893
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.231.126.608.543	558.870.000.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		210.363.000.000	266.430.000.000
254 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(5.478.649.107)
255 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	20.000.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		3.170.815.017.775	5.247.304.966.939
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	16	1.473.147.635.539	3.339.972.535.327
269 2. Lợi thế thương mại		1.697.667.382.236	1.907.332.431.612
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.455.398.844.351	10.541.225.209.828

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
		30/06/2022	01/01/2022 (Đã điều chỉnh)
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		2.579.836.929.401	4.869.453.612.159
310 I. Nợ ngắn hạn		2.177.804.111.162	3.586.001.877.408
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	628.778.690.929	634.031.883.279
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	242.556.443.265	257.321.783.314
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	108.049.728.659	68.000.155.525
314 4. Phải trả người lao động		4.425.699.552	9.951.257.728
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	7.883.532.427	41.436.445.953
318 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	90.227.108.777	148.313.077.162
319 7. Phải trả ngắn hạn khác	22	4.578.615.726	762.942.501.699
320 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.091.304.085.994	1.664.004.566.915
322 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		205.833	205.833
330 II. Nợ dài hạn		402.032.818.239	1.283.451.734.751
336 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	74.534.838.128	135.673.469.619
337 2. Phải trả dài hạn khác	22	16.092.170.369	17.831.184.109
338 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	-	632.475.495.596
341 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		311.405.809.742	497.471.585.427
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.875.561.914.950	5.671.771.597.669
410 I. Vốn chủ sở hữu	24	5.875.561.914.950	5.671.771.597.669
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		(248.500.000)	(248.500.000)
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.474.050.400.854	1.292.832.461.158
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.292.755.224.662	886.925.762.530
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		181.295.176.192	405.906.698.628
429 4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		901.760.014.096	879.187.636.511
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.455.398.844.351	10.541.225.209.828



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	2.685.051.391.236	3.189.157.429.955
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	26.482.876.046	103.647.564.655
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.658.568.515.190	3.085.509.865.300
11	4. Giá vốn hàng bán	28	2.427.191.659.369	2.879.878.358.507
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		231.376.855.821	205.631.506.793
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	232.918.225.151	66.783.536.695
22	7. Chi phí tài chính	30	55.549.898.377	183.423.185.511
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		57.510.124.961	170.422.566.891
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.951.896.873)	(4.972.125.910)
25	9. Chi phí bán hàng		818.884.834	3.294.822.507
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	143.040.716.877	140.272.379.800
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		262.933.684.011	(59.547.470.240)
31	12. Thu nhập khác	32	4.381.337.287	735.673.091.115
32	13. Chi phí khác	33	6.318.975.643	125.462.171.312
40	14. Lợi nhuận khác		(1.937.638.356)	610.210.919.803
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		260.996.045.655	550.663.449.563
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		106.050.132.240	142.339.324.470
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(62.155.879.575)	11.068.927.774
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		217.101.792.990	397.255.197.319
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		181.295.176.192	325.158.266.963
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		35.806.616.798	72.096.930.356
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	518	1.020
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	36	471	501



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

Mã số CHỈ TIÊU

**6 tháng đầu
năm 2022**

**6 tháng đầu
năm 2021**

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	1. Lợi nhuận trước thuế	260.996.045.655	550.663.449.563
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	133.314.479.682	141.318.882.702
03	- Các khoản dự phòng	594.063.240	60.817.448
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(226.189.649.864)	(579.481.945.009)
06	- Chi phí lãi vay	57.510.124.961	170.422.566.891
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	226.225.063.674	282.983.771.595
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(406.883.648.278)	262.578.328.325
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(9.068.178.333)	65.312.773.327
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả - (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	2.489.796.801.082	(82.633.631.771)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(100.781.845.625)	55.547.259.722
13	- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	292.480	(1.225.344.482.669)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(90.355.540.975)	(168.069.814.432)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(44.607.647.513)	(13.643.036.452)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.064.325.296.512	(823.268.832.355)

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(19.739.305.436)	(25.918.752.526)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.351.947.125.110
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.509.908.469.041)	(442.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	78.655.442.850	147.220.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(306.363.000.000)	(3.614.248.768.730)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.649.776.992.667	2.600.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.129.858.120	6.169.751.762
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.102.448.480.840)	(2.575.030.644.384)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

Mã số CHỈ TIÊU

6 tháng đầu
năm 2022

6 tháng đầu
năm 2021

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	2.960.801.500.000
33	2. Tiền thu đi vay	1.696.508.954.119	2.267.359.634.757
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(2.901.684.930.636)	(1.720.795.513.952)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>(1.205.175.976.517)</i>	<i>3.507.365.620.805</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(243.299.160.845)	109.066.144.066
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	271.689.886.895	29.692.934.662
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>28.390.726.050</u>	<u>138.759.078.728</u>



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 210, đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 3.500.000.000.000 VND (Ba nghìn năm trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán THD theo Quyết định số 259/QĐ-SGDHN ngày 11/06/2020 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn lương thực, thực phẩm; Kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phụ tùng trong lĩnh vực xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp; Kinh doanh bất động sản và dịch vụ tòa nhà.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Theo Nghị quyết số 02A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 08/03/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes cho bà Nguyễn Thị Xuân, tương đương 16% vốn điều lệ với tổng giá trị chuyển nhượng 115.776.000.000 VND. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.
- Trong kỳ, Công ty Cổ phần Thaiholdings đã thực hiện góp thêm vốn theo cam kết vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm - Phú Quốc (được đổi tên từ Công ty CP Thaispace) với tổng số tiền là 306.363.000.000 đồng nâng tổng vốn góp lên 386.363.000.000 đồng. Đồng thời, theo Nghị quyết số 07A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 15/06/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp với giá trị là 176.000.000.000 VNĐ cho ông Trịnh Văn Thiệm. Giá chuyển nhượng được xác định theo Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập. Trong Quý III năm 2022, công ty sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng.
- Theo Nghị quyết số 1511/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ECL ngày 15 tháng 11 năm 2021, Công ty Cổ phần Enclave Phú Quốc (Công ty con của Công ty Cổ phần – Tập đoàn Thaicorp) thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam cho Ông Dương Văn Quyết, giá chuyển nhượng được xác định theo thỏa thuận là 204.944.850.000 đồng. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.
- Theo Nghị quyết số 10.5/2022/NQ-HĐQT/TGR ngày 10 tháng 05 năm 2022, Công ty CP- Tập đoàn Thaicorp (công ty con) thực hiện chuyển nhượng 70.000.000 cổ phần tương đương 50,165% vốn điều lệ Công ty CP Tôn Dân Hà Nội cho Ông Đinh Duy Quỳnh, Nguyễn Văn Tân với giá trị chuyển nhượng là 17.200 VND/cổ phần. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty Cổ phần - Tập đoàn Thaingroup (Công ty con) đã đầu tư 600 tỷ đồng theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty và Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 2, Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 3 hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2 tại xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Dự án là chăn nuôi lợn và sản xuất lợn giống.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup (gọi tắt là "Thaingroup")	Ninh Bình	81,60%	81,60%	Xây dựng và kinh doanh thương mại
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD	Hà Nam	88,00%	88,00%	Kinh doanh, xuất khẩu xi măng
- Công ty TNHH MTV Nam Hà	Hà Nam	100,00%	100,00%	Dịch vụ khai thác, vận chuyển đá
- Công ty CP Du lịch Kim Liên (*)	Hà Nội	69,63%	59,98%	Dịch vụ khách sạn, du lịch
- Công ty CP Enclave Phú Quốc (*)	Kiên Giang	98,00%	79,97%	Dịch vụ nghỉ dưỡng khách sạn
- Công ty CP Bình Minh Group (*)	Hà Nội	80,00%	65,28%	Kinh doanh bất động sản

(*) Công ty con của Thaingroup.

- Tại ngày 30/06/2022, tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại Công ty CP Du lịch Kim Liên lần lượt là 17,2% và 52,43%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	05
Tài sản cố định khác	04-05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất: Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước cho toàn bộ thời gian thuê 609,9 m2 đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất của bên cho thuê kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác: Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước thuê hoạt động: Bao gồm chi phí thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà được trả trước tiền thuê để cho thuê lại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh 6 tháng năm 2022 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	8.481.900.892	7.034.021.882
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.908.825.158	264.655.865.013
Các khoản tương đương tiền (i)	7.000.000.000	-
Cộng	28.390.726.050	271.689.886.895

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	6.100.000.000	-	6.100.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.100.000.000	-	6.100.000.000	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Trái phiếu (ii)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	26.100.000.000	-	26.100.000.000	-

(i) Phản ánh tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình với lãi suất 5,5%/năm. Khoản tiền gửi này đang cầm cố đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 17.

(ii) Khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với kỳ hạn 7 năm, lãi suất thả nổi, kỳ hạn trả lãi 1 năm/lần kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

				30/06/2022	01/01/2022
Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
				VND	VND
Công ty CP Thailand (i)	Hà Nội	26,86%	20,44%	258.736.937.571	558.870.000.000
Công ty CP Tôn Dân Hà Nội (ii)	Hà Nội	44,23%	49,81%	972.389.670.972	-
Cộng				1.231.126.608.543	558.870.000.000

(i) Tại ngày 30/06/2022, tỷ lệ biểu quyết giảm so với thời điểm 01/01/2022 do trong kỳ Công ty không còn quyền kiểm soát Công ty CP Tôn Dân Hà Nội do đó Công ty chỉ còn quyền biểu quyết trực tiếp đối với Công ty CP Thailand.

(ii) Theo Nghị quyết số 10.5/2022/NQ-HĐQT/TGR ngày 10 tháng 05 năm 2022, Công ty CP- Tập đoàn Thaingroup (công ty con) thực hiện chuyển nhượng 70.000.000 cổ phần tương đương 50,165% vốn điều lệ Công ty CP Tôn Dân Hà Nội cho Ông Đình Duy Quỳnh, Nguyễn Văn Tân với giá trị chuyển nhượng là 17.200 VND/cổ phần. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam (iii)	-	-	143.550.000.000	(5.478.649.107)
Công ty CP Đầu tư Thaihomes (iv)	-	-	42.880.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thom - Phú Quốc (v)	210.363.000.000	-	80.000.000.000	-
Cộng	210.363.000.000	-	266.430.000.000	(5.478.649.107)

(iii) Theo Nghị quyết số 1511/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ECL ngày 15 tháng 11 năm 2021, Công ty Cổ phần Enclave Phú Quốc (Công ty con của Công ty Cổ phần – Tập đoàn Thaingroup) thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam cho Ông Dương Văn Quyết, giá chuyển nhượng được xác định theo thỏa thuận là 204.944.850.000 đồng. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

(iv) Theo Nghị quyết số 02A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 08/03/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes cho bà Nguyễn Thị Xuân, tương đương 16% vốn điều lệ với tổng giá trị chuyển nhượng 115.776.000.000 VND. Giá chuyển nhượng được căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập.

(v) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Thaiholdings đã thực hiện góp thêm vốn theo cam kết vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thom - Phú Quốc (được đổi tên từ Công ty CP Thaispace) với tổng số tiền là 306.363.000.000 đồng nâng tổng vốn góp lên 386.363.000.000 đồng. Đồng thời, theo Nghị quyết số 07A/2022/NQ-HĐQT/THD ngày 15/06/2022 của HĐQT, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần vốn góp với giá trị là 176.000.000.000 VND cho ông Trịnh Văn Thiệm. Giá chuyển nhượng được xác định theo Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba độc lập. Trong Quý III năm 2022, công ty sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng.

Do các công ty khác công ty đầu tư dưới 20% (“Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”) mà Công ty đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, đồng thời hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, nên Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này bằng với phần sở hữu trong tài sản thuần theo giá trị sổ sách của các Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng & Sản xuất Vững Áng	414.444.034.512	-	386.445.496.997	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	346.230.156.800	-	262.423.258.893	-
Công ty CP Thương mại Tplus Quốc tế	305.395.945.119	-	-	-
Công ty TNHH Bê tông Kaito Việt Nam	189.996.983.312	-	-	-
Công ty TNHH Mỹ Anh Hà Nam	-	-	210.402.772.487	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ninh Khánh	-	-	248.379.816.963	-
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Trảng An	44.693.653.672	-	202.197.653.672	-
Phải thu khách hàng khác	522.345.053.398	(3.102.497.715)	563.950.770.641	(3.102.497.715)
Cộng	1.823.105.826.813	(3.102.497.715)	1.873.799.769.653	(3.102.497.715)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	498.047.391.865	-	510.072.492.065	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xuân Thủy	15.195.630.882	-	-	-
Công ty TNHH Mỹ Anh Hà Nam	23.367.668.757	-	-	-
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	12.247.629.340	-	-	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	-	-	28.667.777.365	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	-	-	11.580.658.532	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	15.965.575.231	(1.179.200.000)	22.322.975.641	(2.039.948.000)
Cộng	66.776.504.210	(1.179.200.000)	62.571.411.538	(2.039.948.000)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	27.443.260.222	-	40.248.435.897	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	174.500.000.000	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn				
Đầu tư Xây dựng Cường	100.000.000.000	-	-	-
Thịnh Thi				
Công ty CP Đầu tư				
Thaihomes	45.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ				
Du lịch Tràng An	25.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại				
Tplus Quốc tế	4.500.000.000	-	-	-
Dài hạn	120.985	-	11.647.094.794	-
Công ty TNHH Xây				
dựng Vinakanto	120.985	-	11.647.094.794	-
Cộng	174.500.120.985	-	11.647.094.794	-
Phải thu về cho vay các	120.985	-	11.647.094.794	-
bên liên quan				

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

Các khoản cho vay theo các hợp đồng cho vay cụ thể trong thời hạn dưới 12 tháng với lãi suất từ 6,5% - 10,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	417.239.073.359	(85.313.333)	8.032.026.009	(85.313.333)
Tạm ứng	878.000.000	-	4.640.306	-
Ký cược, ký quỹ	6.760.000.000	-	6.777.524.000	-
Phải thu lãi cho vay, lãi ký quỹ, lãi tiền gửi	4.598.863.014	-	593.725.722	-
Phải thu lãi trái phiếu	742.500.000	-	-	-
Phải thu Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội (i)	404.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	259.710.345	(85.313.333)	656.135.981	(85.313.333)
Dài hạn	702.643.400.122	-	655.550.000.000	-
Ký quỹ tại BQL Khu kinh tế Phú Quốc (ii)	55.550.000.000	-	55.550.000.000	-
Đặt cọc cho Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội	47.093.400.122	-	-	-
Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 2 (iii)	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 3 (iv)	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-
Cộng	1.119.882.473.481	(85.313.333)	663.582.026.009	(85.313.333)
Phải thu khác là các bên liên	1.051.093.400.122	-	600.000.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)

(i) Theo Thỏa thuận thuê mặt ngoài tòa nhà và hệ thống đèn LED số 25.6/2022/TTT/TĐ-TGR tại ngày 25/06/2022 của Công ty Cổ phần Tôn Đàn Hà Nội và Công ty CP-Tập đoàn Thaingroup về việc đặt cọc đảm bảo cho hợp đồng thuê toàn bộ mặt ngoài và hệ thống đèn led trong vòng 34 năm kể từ ngày 26/02/2025 cho mục đích quảng cáo.

(ii) Tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp Enclave Phú Quốc tại Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

(iii) Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 06/HTKD/TGR-XT ngày 19/10/2021 giữa Công ty CP-Tập đoàn Thaingroup và Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 2, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 2 tại xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Mục tiêu của Dự án là chăn nuôi lợn và sản xuất lợn giống. Công ty góp vốn 300.000.000.000 VND và nhận được 60% lợi nhuận của Dự án sau khi trừ đi các khoản trích lập theo quy định, Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 2 góp vốn là 75.000.000.000 VND cùng với năng lực kinh nghiệm quản lý Dự án và nhận được 40% lợi nhuận của Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(iv) Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 08/HTKD/TGR-XT ngày 07/11/2021 giữa Công ty và Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 3, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư Dự án Chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 3 tại xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 04/05/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Mục tiêu của Dự án là chăn nuôi lợn và sản xuất lợn giống. Công ty góp vốn với 300.000.000.000 VND và nhận được 60% lợi nhuận của Dự án sau khi trừ đi các khoản trích lập theo quy định, Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 3 góp vốn với 75.000.000.000 VND cùng với năng lực kinh nghiệm quản lý Dự án và nhận được 40% lợi nhuận của Dự án.

10. NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
BQL các Dự án	1.262.184.400	-	1.262.184.400	-
XDCB huyện Đức Thọ				
BQL Dự án Đầu tư xây dựng củng cố, nâng cấp Đê tả sông Hồng, tỉnh Hưng Yên đoạn từ Km76+894 đến Km127+400	1.581.978.002	790.989.002	1.581.978.002	790.989.002
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt	750.000.000	-	750.000.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Vân Hòa	562.721.797	-	562.721.797	-
Công ty CP Kiến trúc và Xây dựng HTH	-	-	700.000.000	-
Khách hàng của Công ty CP Du lịch Kim Liên	456.522.375	9.422.400	456.522.375	9.422.400
Các đối tượng khác	703.115.876	149.100.000	1.098.942.876	384.179.000
Cộng	5.316.522.450	949.511.402	6.412.349.450	1.184.590.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.297.832.213	-	2.033.219.012	-
Công cụ, dụng cụ	40.381.252	-	39.351.912	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	101.171.986.981	-	93.440.953.771	-
<i>Công trình hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Hà Tĩnh (*)</i>	<i>36.780.880.139</i>	<i>-</i>	<i>36.780.880.139</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Dây chuyền 3, Nhà máy Xi măng Xuân Thành</i>	<i>64.237.106.842</i>	<i>-</i>	<i>56.660.073.632</i>	<i>-</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>154.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Hàng hóa	100.798.228	-	29.295.646	-
Cộng	104.610.998.674	-	95.542.820.341	-

(*) Dự án thiết kế, thi công các khu tái định cư trong tiểu hợp phần "Quy hoạch, xây dựng khu tái định cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật" thuộc Dự án trọng điểm quốc gia Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương tại Khu kinh tế Vũng Áng do BQL Dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh làm chủ đầu tư tại thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Đến 30/06/2022, Công ty vẫn đang tiếp tục thi công các hạng mục giao thông còn lại tại Khu tái định cư và dự kiến hoàn thành, bàn giao cho chủ đầu tư và quyết toán hoàn thành.

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án Cảng Ninh Phúc (i)	207.064.468.565	206.876.182.454
Dự án quặng Apatit Lào Cai (ii)	8.646.791.131	8.498.161.047
Dự án Nhà máy Xi măng Kiên Lương	245.672.554	245.672.554
Dự án Cát Linh	34.320.793.111	20.530.033.162
Dự án Khu phức hợp Kim Liên	24.307.050.275	21.922.294.051
Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Enclave Phú Quốc (iii)	23.104.978.683	20.058.052.461
Các dự án khác	1.144.970.427	965.023.581
Cộng	298.834.724.746	279.095.419.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN (Tiếp theo)

Xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

(i) Dự án xây dựng nhà máy cơ khí đóng tàu, chế tạo thiết bị nâng hạ và giàn kéo không gian, bến cảng xuất nhập khẩu hàng hóa, kho xăng dầu, bãi container và kho bãi hàng hóa tổng hợp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 09221000107 ngày 16/06/2014 của Ban quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình, khu vực xây dựng nhà máy và tổng kho tại Lô C3 - Khu công nghiệp Ninh Phúc, diện tích sử dụng đất 200.000 m², khu vực xây dựng cầu cảng tại Bãi ngoài sông Đáy, từ Km23 đến Km23+900 đê hữu sông Đáy thuộc xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Tổng mức đầu tư của Dự án là 1.106 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục như cầu cảng, trạm cân, máng rót,... và đang tiếp tục thi công các hạng mục theo quy hoạch đã được phê duyệt. Toàn bộ tài sản thuộc Dự án này đang được thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

(ii) Dự án thăm dò quặng apatit theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 3452/GP-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khu vực thăm dò quặng apatit tại khai trường 27, 28, 29 xã Bản Vược và Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai với diện tích thăm dò 91 ha, thời gian thăm dò là 48 tháng, gia hạn đến ngày 29/12/2024 theo giấy phép số 218/GP-BTNMT ngày 27/12/2021. Ngày 04/08/2021, Công ty CP Tập đoàn Thaingroup đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản số 04.08/2021/HĐCN/THG-AN với Công ty TNHH Anh Nhẫn Lào Cai để thực hiện chuyển nhượng Dự án.

(iii) Dự án đầu tư khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave Phú Quốc nhằm đầu tư xây dựng khu phức hợp nghỉ dưỡng và căn hộ cao cấp đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng và nhu cầu ở cho người dân và khách du lịch tại xã Bãi Thơm, TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tổng vốn đầu tư của Dự án là 9.810 tỷ đồng. Đến 30/06/2022, Công ty đang tiếp tục thực hiện các giải phóng mặt bằng và chuẩn bị đầu tư xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền đẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	951.244.559.662	416.642.049.435	73.605.016.670	2.844.488.181	22.794.440.742	1.467.130.554.690
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.311.366.364)	-	-	(9.311.366.364)
Giảm do mất quyền kiểm soát	(846.617.864.505)	(239.422.131.085)	-	-	-	(1.086.039.995.590)
Công ty con						
Số dư cuối kỳ	104.626.695.157	177.219.918.350	64.293.650.306	2.844.488.181	22.794.440.742	371.779.192.736
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	155.544.337.775	231.777.325.193	62.968.714.531	2.549.260.041	6.658.080.953	459.497.718.493
Khấu hao trong kỳ	10.786.076.664	13.544.346.083	1.521.126.993	57.639.456	367.617.606	26.276.806.802
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.445.090.593)	-	-	(3.445.090.593)
Giảm do mất quyền kiểm soát	(66.716.551.865)	(72.053.766.393)	-	-	-	(138.770.318.258)
Công ty con						
Số dư cuối kỳ	99.613.862.574	173.267.904.883	61.044.750.931	2.606.899.497	7.025.698.559	343.559.116.444
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	795.700.221.887	184.864.724.242	10.636.302.139	295.228.140	16.136.359.789	1.007.632.836.197
Tại ngày cuối kỳ	5.012.832.583	3.952.013.467	3.248.899.375	237.588.684	15.768.742.183	28.220.076.292

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 982.918.393.849 VND (tại ngày 01/01/2022 là 452.822.484.031 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	8.193.000.000	1.208.460.000	9.401.460.000
Số dư cuối kỳ	8.193.000.000	1.208.460.000	9.401.460.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.164.381.153	1.164.381.153
Khấu hao trong kỳ	-	2.514.000	2.514.000
Số dư cuối kỳ	-	1.166.895.153	1.166.895.153
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	8.193.000.000	44.078.847	8.237.078.847
Tại ngày cuối kỳ	8.193.000.000	41.564.847	8.234.564.847

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.158.150.000 VND.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là 74 lô đất tại Khu đô thị Xuân Thành, phường Ninh Khánh, TP. Ninh Bình với nguyên giá là 105.495.281.990 VND được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày này chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	21.179.945.114	399.678.771
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	20.901.856.715	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	55.130.714	168.774.129
Chi phí chờ phân bổ khác	222.957.685	230.904.642
Dài hạn	1.473.147.635.539	3.339.972.535.327
Chi phí thuê đất tại 2B Lê Phụng Hiểu (i)	17.722.560.703	18.492.373.231
Chi phí thuê văn phòng để cho thuê lại	128.417.715.875	-
Chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại 210 Trần Quang Khải, Hà Nội của Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	-	1.959.655.375.519
Lợi thế kinh doanh quyền thuê đất của Công ty CP Du lịch Kim Liên (ii)	1.326.255.614.523	1.357.098.768.349
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	376.687.441	1.162.986.396
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	-	3.344.641.832
Các khoản khác	375.056.997	218.390.000
Cộng	1.494.327.580.653	3.340.372.214.098

(i) Tiền thuê lô đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh quyền thuê 34.936 m2 đất của Công ty CP Du lịch Kim Liên tại số 5-7 phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội để sử dụng kinh doanh khách sạn theo Quyết định số 4587/QĐ-UBND ngày 05/09/2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Thời gian thuê đất là 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 106/2016/CT-CPA VIETNAM ngày 10/10/2016 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam về xác định vốn chủ sở hữu của Công ty CP Du lịch Kim Liên tại 31/12/2015, Công ty xác định giá trị hợp lý của lợi thế kinh doanh của quyền thuê đất này tại thời điểm mua cổ phần kiểm soát Công ty CP Du lịch Kim Liên để hợp nhất Báo cáo tài chính là 1.727.216.614.262 VND. Giá trị hợp lý của lợi thế kinh doanh quyền thuê đất này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất còn lại vào kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.664.004.566.915	1.664.004.566.915	1.696.508.954.119	2.269.209.435.040	1.091.304.085.994	1.091.304.085.994
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển						
Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch (1)	994.933.094.665	994.933.094.665	688.215.173.288	989.022.962.790	694.125.305.163	694.125.305.163
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình (2)	394.786.472.250	394.786.472.250	398.493.780.831	396.386.472.250	396.893.780.831	396.893.780.831
Vay cá nhân	274.285.000.000	274.285.000.000		274.000.000.000	285.000.000	285.000.000
Vay Công ty CP Thaispace tại Công ty CP Tôn Đức Hà Nội	-	-	609.800.000.000	609.800.000.000	-	-
Vay dài hạn	632.475.495.596	632.475.495.596	-	632.475.495.596	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	632.475.495.596	632.475.495.596	-	632.475.495.596	-	-
Cộng	2.296.480.062.511	2.296.480.062.511	1.696.508.954.119	2.901.684.930.636	1.091.304.085.994	1.091.304.085.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-202100847 ngày 13/07/2021 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Sở Giao dịch với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức đến ngày 09/07/2022, thời hạn cho vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thực phẩm đông lạnh và vật liệu xây dựng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các quyền sử dụng đất tại Khu đô thị Xuân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Thaingroup - Công ty con của Công ty và các tài sản đảm bảo khác.

(2) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình (BIDV Ninh Bình) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 10001/2021/2868799/HĐTD ngày 22/11/2021 với hạn mức tín dụng là 398.500.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh thực phẩm đông lạnh và gạo (bao gồm hạn mức cho vay, bảo lãnh, mở L/C). Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/09/2022. Thời hạn cho vay, lãi suất theo từng Hợp đồng cụ thể. Số dư tại 30/06/2022 là 396.893.780.831 VND. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Công ty tại BIDV Ninh Bình, số dư gốc tại ngày 30/06/2022 là 6.100.000.000 VND và toàn bộ tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP455774 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 13/08/20015 có địa chỉ tại xã Ninh Phúc, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	256.308.671.577	256.308.671.577	-	-
Công ty CP Xi măng Xuân Thành	137.236.819.656	137.236.819.656	145.614.134.227	145.614.134.227
Công ty CP Kaito	73.476.964.949	73.476.964.949	27.930.852.401	27.930.852.401
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại và Dịch vụ Lộc Phát	15.752.770.045	15.752.770.045	116.866.575.150	116.866.575.150
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Tràng An	47.752.869.675	47.752.869.675	152.953.263.502	152.953.263.502
Phải trả người bán khác	98.250.595.027	98.250.595.027	190.667.057.999	190.667.057.999
Cộng	628.778.690.929	628.778.690.929	634.031.883.279	634.031.883.279
Phải trả người bán là các bên liên quan	403.956.814.042	403.956.814.042	184.103.812.466	184.103.812.466
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)</i>				

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Anh Nhẫn Lào Cai (i)	148.524.635.000	148.524.635.000
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh	48.299.278.000	48.299.278.000
Các đối tượng khác	45.732.530.265	60.497.870.314
Cộng	242.556.443.265	257.321.783.314
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	22.483.545.067	13.088.564.936
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)</i>		

(i) Nhận trả trước theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản số 04.08/2021/HĐCN/THG-AN ngày 04/08/2021 để chuyển nhượng Dự án quặng Apatit Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Trảng
Tiền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	12.062.151	1.229.276.847	57.909.026.645	58.157.125.791	-	969.115.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	262.261.244	45.389.477.100	106.149.682.826	44.607.647.513	262.261.244	106.931.512.413
Thuế thu nhập cá nhân	-	340.644.116	827.594.870	1.055.345.287	36.206.997	149.100.696
Thuế tài nguyên	36.290.640	-	-	-	36.290.640	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	18.463.594.627	18.463.594.627	-	-
Thuế khác	-	54.967.314	49.421.642	104.388.956	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.309.093	20.985.790.148	651.670.294	21.637.460.442	15.309.093	-
Cộng	325.923.128	68.000.155.525	184.050.990.904	144.025.562.616	350.067.974	108.049.728.659

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.079.916.668	35.925.332.682
Chi phí công trình xây dựng	4.527.407.355	4.832.727.471
Chi phí phải trả khác	276.208.404	678.385.800
Cộng	7.883.532.427	41.436.445.953

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	4.578.615.726	762.942.501.699
Kinh phí công đoàn và BHXH	760.150.426	277.417.879
Phải trả liên quan đến bán cổ phần Công ty CP Bình Minh Group tại Công ty CP Tập đoàn Thaingroup	-	760.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.992.010.000	1.807.540.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.826.455.300	857.543.820
Dài hạn	16.092.170.369	17.831.184.109
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.092.170.369	17.831.184.109
Cộng	20.670.786.095	780.773.685.808

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại 01/01/2022 và 30/06/2022 là tiền cho thuê văn phòng nhận trước của Tòa nhà văn phòng làm việc cho thuê Thaiholdings Tower tại số 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội và tiền cho thuê ki ốt tại Khách sạn Kim Liên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (tiếp theo)

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	90.227.108.777	148.313.077.162
Tiền cho thuê kiot tại Công ty CP Du lịch Kim Liên	2.268.925.053	22.499.978
Tiền cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Thaiholdings Tower	87.958.183.724	148.290.577.184
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (i)	69.881.822.465	69.881.822.450
- Các khách hàng khác	18.976.361.259	78.408.754.734
Dài hạn	74.534.838.128	135.673.469.619
Tiền cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Thaiholdings Tower	74.534.838.128	135.673.469.619
-Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (i)	74.534.838.128	135.673.469.619
Cộng	164.761.946.905	283.986.546.781

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 2102/2020/HĐTVP/THD-LPB ngày 21/02/2020 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày bàn giao mặt bằng, tiền thuê thanh toán trước tại thời điểm ký hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	539.000.000.000	-	-	976.352.095.568	829.622.676.760	2.344.974.772.328		
Tăng vốn trong kỳ trước	2.961.000.000.000	(248.500.000)		-	-	2.960.751.500.000		
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-	-	-	325.158.266.963	72.096.930.356	397.255.197.319		
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	11.615.176.045	11.615.176.045		
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(5.727.272.727)	(5.727.272.727)		
Giảm khác	-	-	-	(2.821.229.845)	-	(2.821.229.845)		
Số dư cuối kỳ trước	3.500.000.000.000	(248.500.000)	(248.500.000)	1.298.689.132.686	907.607.510.434	5.706.048.143.120		
Số dư đầu kỳ này	3.500.000.000.000	(248.500.000)	(248.500.000)	1.292.832.461.158	879.187.636.511	5.671.771.597.669		
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	181.295.176.192	35.806.616.798	217.101.792.990		
Tăng khác	-	-	-	38.000.000	-	38.000.000		
Giảm do mất quyền kiểm soát các Công ty con	-	-	-	-	(13.234.239.214)	(13.234.239.214)		
Giảm khác	-	-	-	(115.236.495)	-	(115.236.495)		
Số dư cuối kỳ này	3.500.000.000.000	(248.500.000)	(248.500.000)	1.474.050.400.855	901.760.014.095	5.875.561.914.950		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Đức Thụy	-	-	859.093.330.000	24,55
Các cổ đông khác	3.500.000.000.000	100,00	2.640.906.670.000	75,45
Cộng	3.500.000.000.000	100,00	3.500.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.500.000.000.000	539.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	2.961.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	350.000.000	350.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	350.000.000	350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	350.000.000	350.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.000.000	350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	350.000.000	350.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 với Công ty CP Tôn Đản Hà Nội - Công ty liên kết, Công ty thuê toàn bộ diện tích từ tầng 1 đến tầng 20 (kèm theo 04 tầng hầm) tại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội để cho thuê lại. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty. Diện tích thuê được điều chỉnh theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 15 tháng 03 năm 2022 (Về việc điều chỉnh nội dung cho thuê). Các điều khác được quy định tại Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 không thay đổi.

Theo Hợp đồng thuê đất số 32 ngày 05/9/2014, diện tích đất thuê là 186.570 m² tại Lô C3, KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, thời hạn thuê đất đến hết ngày 22/10/2058. Theo Quyết định số 153/QĐ-CT ngày 20/01/2015 và Quyết định số 154/QĐ-CT ngày 20/01/2015 của Cục Thuế tỉnh Ninh Bình, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 02/10/2014 đến hết ngày 12/7/2028 với tổng số tiền được miễn là 23.280.437.812 VND.

Ngoại tệ các loại:

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
USD	1.028,63	174.073,75
EUR	344,82	350,59

26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng đầu năm 2022 VND</u>	<u>6 tháng đầu năm 2021 VND</u>
Doanh thu bán hàng	2.449.697.571.245	2.722.490.034.922
Doanh thu cung cấp dịch vụ	233.181.390.900	169.798.813.217
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.172.429.091	296.868.581.816
Cộng	<u>2.685.051.391.236</u>	<u>3.189.157.429.955</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)	<u>425.713.356.522</u>	<u>175.200.882.893</u>

27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>6 tháng đầu năm 2022 VND</u>	<u>6 tháng đầu năm 2021 VND</u>
Chiết khấu thương mại	26.482.876.046	85.127.254.200
Giảm giá hàng bán	-	17.520.310.455
Hàng bán bị trả lại	-	1.000.000.000
Cộng	<u>26.482.876.046</u>	<u>103.647.564.655</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.260.613.904.541	2.470.743.737.106
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	165.280.411.119	161.115.556.312
Giá vốn công trình xây lắp	1.297.343.709	250.019.755.294
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	(2.000.690.205)
Cộng	2.427.191.659.369	2.879.878.358.507

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	9.877.495.412	6.746.138.064
Lãi bán các khoản đầu tư (i)	222.486.133.853	19.371.083.791
Lãi chênh lệch tỷ giá	497.959.713	371.751.585
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	56.636.173	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	40.294.563.255
Cộng	232.918.225.151	66.783.536.695

(i) Lãi bán các khoản đầu tư trong 6 tháng đầu năm 2022 bao gồm:

- Lãi do chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes là: 72.896.000.000 VND
- Lãi do chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào Công ty CP Tôn Dân Hà Nội là: 138.823.883.853 VND
- Lãi do chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam là: 10.766.250.000 VND.

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Lãi tiền vay	57.510.124.961	170.422.566.891
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.262.316.650	5.472.648.340
Lỗ do hoạt động kinh doanh chứng khoán	53.272	7.465.671.042
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	52.909.972	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	203.167.509	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu	(5.478.673.987)	60.817.448
Chi phí tài chính khác	-	1.481.790
Cộng	55.549.898.377	183.423.185.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	634.220.118	969.810.813
Chi phí nhân công	11.002.061.622	12.418.580.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.774.185	802.049.990
Thuế, phí và lệ phí	588.755.600	604.959.624
Chi phí dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng	(100.748.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.753.472.368	8.650.285.975
Chi phí khác bằng tiền	2.179.372.997	4.552.369.649
Phân bổ lợi thế thương mại	112.513.807.987	112.274.323.683
Cộng	143.040.716.877	140.272.379.800

32. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Lãi từ giao dịch mua rẻ Công ty TNHH Linkgroup	-	837.213.207
Thu từ chuyển nhượng Dự án Nhà máy Xi măng Minh Tân	-	680.000.000.000
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	462.962.963	5.469.754.702
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	2.125.776.478	3.742.498.708
Xử lý công nợ tồn lâu	-	45.290.294.447
Các khoản khác	1.792.597.846	333.330.051
Cộng	4.381.337.287	735.673.091.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	310.720.216	-
Chi phí chuyển nhượng Dự án Nhà máy Xi măng Minh Tâm	-	108.599.035.051
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, lãi vay	584.122	5.509.465
Phạt chậm thanh toán theo Hợp đồng kinh tế	-	864.722.090
Khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động kinh doanh	1.211.101.584	2.631.580.938
Tiền thuê đất	769.812.528	769.812.528
Chi ủng hộ, tài trợ	2.434.201.040	9.000.000.000
Chi phí phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	633.992.411	1.869.444.255
Các khoản khác	958.563.742	1.722.066.985
Cộng	6.318.975.643	125.462.171.312

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.345.310.591	164.503.361.563
Chi phí nhân công	27.863.572.838	50.994.170.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.068.219.218	25.808.844.050
Chi phí dự phòng	(100.748.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.029.957.944	61.026.684.274
Chi phí khác bằng tiền	52.448.269.171	28.403.500.224
Lợi thế thương mại	112.513.807.987	112.274.323.683
Cộng	318.168.389.749	443.010.884.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	181.295.176.192	325.158.266.963
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	181.295.176.192	325.158.266.963
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	350.000.000	318.745.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	518	1.020

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

36. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	181.295.176.192	325.158.266.963
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	181.295.176.192	325.158.266.963
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	350.000.000	318.745.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	35.000.000	330.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	471	501

(*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu giai đoạn 01/01/2021 đến 30/6/2021 được trình bày theo Nghị quyết HĐQT số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 07/06/2021. Tuy nhiên, kế hoạch phát hành cổ phiếu đã hủy bỏ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/04/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

6 tháng đầu năm 2022				
	Thương mại VND	Cho thuê văn phòng VND	Lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	2.423.214.695.199	147.519.392.522	87.834.427.469	2.658.568.515.190
Giá vốn	2.260.613.904.541	56.995.058.092	109.582.696.736	2.427.191.659.369
Lợi nhuận gộp	162.600.790.658	90.524.334.430	(21.748.269.267)	231.376.855.821
6 tháng đầu năm 2021				
	Thương mại VND	Cho thuê văn phòng VND	Lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	2.618.842.470.267	82.708.507.582	383.958.887.451	3.085.509.865.300
Giá vốn	2.468.743.046.901	48.573.958.908	362.561.352.698	2.879.878.358.507
Lợi nhuận gộp	150.099.423.366	34.134.548.674	21.397.534.753	205.631.506.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 29/07/2022, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển THD và Công ty TNHH MTV Nam Hà theo Nghị quyết đại Hội đồng quản trị số 10/NQ-HDQT/THD, phát sinh lãi từ hoạt động thanh lý hai công ty này là 288.000.000 đồng.

39. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Tôn Dân Hà Nội	Công ty liên kết từ ngày 29/06/2022
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành Bình Phước	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Mỹ Hạnh	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Xuân Thành Khánh Hòa	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xuân Thủy	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Xuân Thành Hospitality	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Hạnh Hà Nam	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Đức Hạnh Hà Nam	Bên liên quan với người nội bộ
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 2	Bên liên quan với người nội bộ
- Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 3	Bên liên quan với người nội bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	425.713.356.522	175.200.882.893
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	1.799.062.478	2.034.858.181
- Công ty TNHH Mỹ Hạnh	240.000.000	-
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành	103.918.070.772	127.341.202.035
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	62.312.819.480	32.184.205.890
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	236.686.534.320	-
- Công ty CP Xuân Thành Khánh Hòa	14.392.588.000	11.664.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	6.305.571.051	-
- Công ty TNHH Xuân Thành Hospitality	58.710.421	297.429.566
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Tplus	-	1.679.187.221
Hàng bán bị trả lại	-	1.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	-	1.000.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ	645.329.356.563	1.232.668.644.207
- Công ty TNHH Mỹ Hạnh	151.375.656.150	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xuân Thủy	33.632.475.316	54.989.960.772
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	500.000.000	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	372.461.799.659	111.687.450.672
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	4.571.229.798	-
- Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	2.678.264.667	6.352.363.127
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành	1.799.062.478	687.065.526.786
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	78.166.612.495	371.954.300.450
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Hạnh Hà Nam	144.256.000	210.062.400
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	-	250.000.000
- Công ty CP Xuân Thành Khánh Hòa	-	158.980.000
Chuyển nhượng dự án, thanh lý tài sản	462.962.963	685.650.000.000
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành Bình Phước	-	680.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	462.962.963	5.650.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	498.047.391.865	510.072.492.065
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	8.772.638.366	14.901.799.797
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành Bình Phước	68.000.000.000	68.000.000.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	49.852.117.950	93.502.117.950
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Ninh Bình	346.230.156.800	262.423.258.893
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	651.946.000	617.156.000
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành	22.056.532.749	5.593.788.515
- Công ty CP Xuân Thành Khánh Hòa	2.484.000.000	1.600.500.000
- Công ty CP Đức Hạnh Hà Nam	-	62.741.537.222
- Công ty TNHH Xuân Thành Hospitality	-	692.333.688
Trả trước cho người bán	27.443.260.222	40.248.435.897
- Công ty CP Tôn Dân Hà Nội	12.247.629.340	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xuân Thủy	15.195.630.882	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	-	28.667.777.365
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	-	11.580.658.532
Phải thu về cho vay	120.985	11.647.094.794
- Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	120.985	11.647.094.794
Phải thu khác	1.051.093.400.122	600.000.000.000
- Công ty CP Tôn Dân Hà Nội	451.093.400.122	-
- Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 2	300.000.000.000	300.000.000.000
- Công ty CP Xuân Thiện Thanh Hóa 3	300.000.000.000	300.000.000.000
Phải trả cho người bán	403.956.814.042	184.103.812.466
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	348.373.885	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Vinakanto	256.308.671.577	-
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành	137.236.819.656	145.614.134.227
- Công ty TNHH Mỹ Hạnh	9.175.145.400	31.831.931.670
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Hạnh Hà Nam	155.796.480	989.294.400
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	-	4.308.182.354
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xuân Thủy	25.331.292	1.198.335.358
- Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	706.675.752	161.934.457
Người mua trả tiền trước	22.483.545.067	13.088.564.936
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	22.402.491.818	13.088.564.936
- Công ty TNHH Xuân Thành Hospitality	81.053.249	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

39. NGHIỆP VỤ SỐ DƯ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên HĐQTB, ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1	Nguyễn Văn Thuyết	60.000.000	43.166.667
2	Nguyễn Chí Kiên	20.000.000	46.833.334
3	Vũ Đình Hưng	-	107.220.262
4	Vũ Ngọc Định	30.000.000	6.451.613
5	Bùi Khương Duy	-	39.128.389
6	Nguyễn Văn Khoa	165.205.213	158.239.223
7	Nguyễn Văn Dũng	420.000.000	6.451.613
8	Trần Thị Thanh Giang	-	6.451.613
9	Trịnh Văn Thiêm	-	20.000.000
10	Trịnh Văn Thiêm	-	20.000.000
11	Đặng Văn Thắng	97.056.661	65.690.000
12	Bùi Lê Quang	30.000.000	6.451.613
13	Nguyễn Thị Vụ	-	23.548.387
14	Phạm Quang Vinh	-	97.884.896
15	Dư Thị Hải Yến	124.040.267	88.384.320
16	Nguyễn Thu Vân	39.466.666	-

40. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/04/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2021. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 35.000.000 cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu là 10:1.

Thông tin dự án tại Công ty mẹ:

Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 với Công ty CP Tôn Dân Hà Nội - Công ty liên kết, Công ty thuê toàn bộ diện tích từ tầng 1 đến tầng 20 (kèm theo 04 tầng hầm) tại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Dân và 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội để cho thuê lại. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty. Diện tích thuê được điều chỉnh theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 15 tháng 03 năm 2022 (Về việc điều chỉnh nội dung cho thuê). Các điều khoản khác được quy định tại Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

40. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

Thông tin dự án tại Các Công ty con

- Dự án thăm dò quặng apatit: Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khai thác khoáng sản tại xã Bản Vược và xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo Giấy phép thăm dò khai thác khoáng sản số 3452/GP-BTNMT ngày 29/12/2017 với giá 185 tỷ đồng, Công ty đã thu tiền thanh toán đợt 1 là 148 tỷ đồng. Đến 30/06/2022, Công ty CP Tập đoàn Thaingroup (Công ty con) và Công ty TNHH Anh Nhẫn Lào Cai đang thực hiện các thủ tục xin chuyển nhượng với cơ quan có thẩm quyền và chuẩn bị các thủ tục để bàn giao Dự án.

- Dự án Kim Liên: Dự án tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê. Tính đến ngày 30/6/2022, chủ đầu tư vẫn đang trong quá trình thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại do giao dịch thanh lý Công ty CP Bình Minh trong năm 2021 tại Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup (Công ty con của Công ty) hủy theo quyết định của các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và ảnh hưởng của chi phí khác tại Công ty CP- Tập đoàn Thaingroup như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Khoản mục	Mã số	Ngày 31/12/2021 trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Ngày 01/01/2022 trình bày lại VND
Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất				
Tiền	111	271.589.437.494	100.449.401	271.689.886.895
Phải thu ngắn hạn khác	136	81.272.026.009	(73.240.000.000)	8.032.026.009
Thuế GTGT được khấu trừ	152	71.646.799.067	1.558.030.850	73.204.829.917
Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	11.647.094.794	11.647.094.794
Tài sản cố định hữu hình	221	1.001.639.840.260	5.992.995.937	1.007.632.836.197
- Nguyên giá	222	1.459.527.344.690	7.603.210.000	1.467.130.554.690
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(457.887.504.430)	(1.610.214.063)	(459.497.718.493)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	258.565.386.148	20.530.033.162	279.095.419.310
Chi phí trả trước dài hạn	261	3.339.971.213.964	1.321.363	3.339.972.535.327
Lợi thế thương mại	269	1.904.702.926.438	2.629.505.174	1.907.332.431.612
Phải trả người bán ngắn hạn	311	631.046.364.561	2.985.518.718	634.031.883.279
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	208.106.579.999	(140.106.424.474)	68.000.155.525
Phải trả người lao động	314	9.785.982.359	165.275.369	9.951.257.728
Phải trả ngắn hạn khác	319	2.942.501.699	760.000.000.000	762.942.501.699
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	322	1.663.719.566.915	285.000.000	1.664.004.566.915
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	496.375.651.340	1.095.934.087	497.471.585.427
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.834.038.771.820	(541.206.310.662)	1.292.832.461.158
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	947.113.009.290	(541.206.310.662)	405.906.698.628
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	993.187.198.868	(113.999.562.357)	879.187.636.511



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Phan Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng
Người lập